

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2016

Tháng 3 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	1.081	1.097	16	12.870	205.920	
102	8	621	632	11	12.870	141.570	
103	0	752			12.870	0	
104	8	550	569	19	12.870	244.530	
105	Phòng trực				12.870	0	
106	8	790	801	11	12.870	141.570	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109					12.870	0	
110	8	536	544	8	12.870	102.960	
111	8	579	585	6	12.870	77.220	
112	8	723	735	12	12.870	154.440	
113	8	528	548	20	12.870	257.400	
114	8	515	524	9	12.870	115.830	
201	8	416	428	12	12.870	154.440	
202	8	1.219	1.244	25	12.870	321.750	
203	8	1.030	1.044	14	12.870	180.180	
204	8	911	925	14	12.870	180.180	
205	8	930			12.870	0	
206	8	756	766	10	12.870	128.700	
207	8	776			12.870	0	
208	8	814	826	12	12.870	154.440	
209	8	785	794	9	12.870	115.830	
210	8	654	664	10	12.870	128.700	
211	8	554	565	11	12.870	141.570	
212	8	692			12.870	0	
213	7	583	590	7	12.870	90.090	
214	8	698	707	9	12.870	115.830	
301	8	739	751	12	12.870	154.440	
302	8	748			12.870	0	
303	8	624	630	6	12.870	77.220	
304	8	665	674	9	12.870	115.830	
305	8	639	646	7	12.870	90.090	
306	8	616	623	7	12.870	90.090	
307	PSHC	678	689	11	12.870	141.570	
308				0	12.870	0	
309				0	12.870	0	
	8	569	576	7	12.870	90.090	

310	8	561	566	5	12.870	64.350
311	8	621	635	14	12.870	180.180
312	8	596	602	6	12.870	77.220
313	7	682	696	14	12.870	180.180
314	8	607	618	11	12.870	141.570
401	8	602	610	8	12.870	102.960
402	8	504	519	15	12.870	193.050
403	7	525			12.870	0
404	8	477	481	4	12.870	51.480
405	8	459	462	3	12.870	38.610
406	0	509	512	3	12.870	38.610
407	8	553	559	6	12.870	77.220
408	7	774	786	12	12.870	154.440
409	8	458	466	8	12.870	102.960
410	8	629	638	9	12.870	115.830
411	8	455	459	4	12.870	51.480
412	7	468	474	6	12.870	77.220
413	8	581	597	16	12.870	205.920
414	8	523	527	4	12.870	51.480
501	8	347	356	9	12.870	115.830
502	8	490	502	12	12.870	154.440
503	8	734	743	9	12.870	115.830
504	8	526	542	16	12.870	205.920
505	8	531	542	11	12.870	141.570
506	6	375	385	10	12.870	128.700
507	8	537	546	9	12.870	115.830
508	8	461	470	9	12.870	115.830
509	8	486	494	8	12.870	102.960
510	8	430	440	10	12.870	128.700
511	7	339	352	13	12.870	167.310
512	8	390	400	10	12.870	128.700
513	8	336	345	9	12.870	115.830
514	8	276	279	3	12.870	38.610
Cộng	496			590		7.593.300

(Bảng chữ: Bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn ba trăm đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Ngô Xuân Hoà ThS. Lê Xuân Hưng Trần Xuân Nam Dương Văn Thanh Trần Thị Hà